

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Huế, tháng 03 năm 2016

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 28



CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (“Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Đinh Quang Dũng	Chủ tịch
Ông Hoàng Việt	Ủy viên
Ông Phạm Đình Nhật Cường	Ủy viên
Ông Nguyễn Trí Thành	Ủy viên
Ông Lê Văn Vinh	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Hoàng Việt	Giám đốc
Ông Nguyễn Trí Thành	Phó Giám đốc
Ông Lê Văn Vinh	Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết lập và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thầy mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Hoàng Việt
Giám đốc

Huế, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Số: 34/2016/BCKT-AVI-TC1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/03/2016 và được trình bày từ trang số 05 đến trang số 28 bao gồm Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 9 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Dự án trạm nghiên xi măng Quảng Trị (đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn) vẫn đang trong quá trình kiểm toán báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành. Theo đó, giá trị chuyển nhượng, giá trị quyết toán đầu tư xây dựng của dự án và các khoản công nợ có liên quan sẽ được điều chỉnh sau khi Công ty hoàn thành công việc kiểm toán, Báo cáo quyết toán vốn đầu tư của Dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn chấp nhận



Vũ Bình Minh
Phó Tổng giám đốc
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 0034-2015-055-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT



Bùi Quốc Trung
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1937-2015-055-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 03 năm 2016

151
07
10/03/2016

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		136.387.212.320	151.932.302.702
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	27.224.664.204	42.724.346.657
1. Tiền	111		17.224.664.204	32.724.346.657
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	10.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		91.234.753.791	93.870.794.045
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	89.487.997.310	92.951.373.514
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		32.541.300	62.264.841
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.714.215.181	857.155.690
IV. Hàng tồn kho	140		17.479.652.980	14.272.023.285
1. Hàng tồn kho	141	8	17.708.006.730	14.272.023.285
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(228.353.750)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		448.141.345	1.065.138.715
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.316.600	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		411.750.158	1.065.138.715
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		34.074.587	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		22.399.269.493	21.777.782.274
II. Tài sản cố định	220		1.913.564.721	1.238.731.247
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	1.913.564.721	1.238.731.247
- Nguyên giá	222		34.795.052.814	33.762.732.814
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(32.881.488.093)	(32.524.001.567)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		177.000.000	177.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(177.000.000)	(177.000.000)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		20.485.704.772	20.539.051.027
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	20.485.704.772	20.539.051.027
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		158.786.481.813	173.710.084.976

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		46.278.468.797	60.944.065.642
I. Nợ ngắn hạn	310		46.278.468.797	60.944.065.642
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	35.769.929.878	46.370.115.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		96.166.524	13.113.845
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	426.766.766	1.551.567.893
4. Phải trả người lao động	314		5.664.644.049	5.430.819.876
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		90.384.959	163.703.621
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	10	2.749.185.532	5.945.642.518
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	15	1.481.391.089	1.469.102.283
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.508.013.016	112.766.019.334
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	112.508.013.016	112.766.019.334
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	70.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		70.000.000.000	70.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		18.200.000.000	18.200.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		1.032.320.000	-
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		18.214.806.428	16.745.647.573
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.418.399.955	1.418.399.955
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.642.486.633	6.401.971.806
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		320.098.589	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		3.322.388.044	6.401.971.806
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		158.786.481.813	173.710.084.976

Huế, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập

Trưởng phòng KTTKTC

Giám đốc



Hoàng Việt

Trần Xuân Trung

Trần Xuân Trung

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02- DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	568.855.862.480	625.962.553.308
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	3.103.378.752	5.425.917.861
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		565.752.483.728	620.536.635.447
4. Giá vốn hàng bán	11	18	493.137.543.861	535.743.884.077
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		72.614.939.867	84.792.751.370
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	723.236.689	1.063.663.664
7. Chi phí tài chính	22	20	414.306.603	86.746.653
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.116.968	34.751.589
8. Chi phí bán hàng	25	21	56.639.466.247	64.733.456.148
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	19.454.425.669	17.303.938.059
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.170.021.963)	3.732.274.174
11. Thu nhập khác	31	23	8.559.553.960	16.452.234.300
12. Chi phí khác	32	24	1.062.367.838	11.934.453.191
13. Lợi nhuận khác	40		7.497.186.122	4.517.781.109
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.327.164.159	8.250.055.283
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	1.004.776.115	1.848.083.477
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.322.388.044	6.401.971.806
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	475	703
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		475	703

Huế, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập

Trưởng phòng KTTKTC

Giám đốc



Trần Xuân Trung

Trần Xuân Trung

Hoàng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	4.327.164.159	8.250.055.283
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	357.486.526	425.289.365
- Các khoản dự phòng	03	228.353.750	(1.351.920.062)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	192.451.647	21.904.240
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(723.236.689)	(1.054.936.664)
- Chi phí lãi vay	06	6.116.968	34.751.589
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.388.336.361	6.325.143.751
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.255.354.224	(33.573.360.540)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.435.983.445)	453.131.892
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(14.265.603.145)	2.574.982.093
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.316.600)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.116.968)	(34.751.589)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.569.347.119)	(1.293.754.628)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	10.000.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.478.105.556)	(1.756.216.600)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.103.782.248)	(27.304.825.621)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.032.320.000)	(128.000.000)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	723.236.689	1.054.936.664
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(309.083.311)	926.936.664
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
3. Tiền thu từ đi vay	33	11.989.803.355	16.821.498.168
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(11.989.803.355)	(25.756.356.408)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.094.990.000)	(2.094.005.625)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.094.990.000)	(11.028.863.865)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(15.507.855.559)	(37.406.752.822)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	42.724.346.657	80.130.098.572
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61	8.173.106	1.000.907
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	27.224.664.204	42.724.346.657

Huế, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập

Trưởng phòng KTTKTC

Giám đốc



Trần Xuân Trung

Trần Xuân Trung

Hoàng Việt

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Thạch cao Xi măng (gọi tắt là “Công ty”) hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 17/04/2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 3300101300 thay đổi lần 5 ngày 03/01/2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là 70.000.000.000 đồng tương ứng với 7.000.000 cổ phiếu được lưu hành, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Hiện tại cổ phiếu của Công ty được giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TXM. Các cổ đông chính của Công ty như sau:

	Số lượng cổ phần	Giá trị VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	3.584.525	35.845.250.000	51,21%
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	700.000	7.000.000.000	10%
Các cổ đông khác	2.715.475	27.154.750.000	38,79%
Cộng	7.000.000	70.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 24 đường Hà Nội, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác; Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Khai khoáng khác;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất các sản phẩm khác từ gỗ và lâm sản khác;
- Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao, nghiền xi măng;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao;
- Kinh doanh xi măng, nhập khẩu và kinh doanh thạch cao các loại;
- Bán buôn tổng hợp; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá; Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Kinh doanh dịch vụ vận tải hàng hóa đường bộ;
- Khách sạn; Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Hoạt động vui chơi giải trí khác.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Tại thời điểm 31/12/2015, tổ chức của Công ty bao gồm Văn phòng và các đơn vị trực thuộc:

- Văn phòng đại diện tại nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào;
- Chi nhánh tại Quảng Bình;
- Chi nhánh tại Hải Phòng;
- Chi nhánh tại Bim Sơn;
- Chi nhánh tại Quảng Trị;
- Chi nhánh tại Đà Nẵng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 (số liệu so sánh) đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng ngang các số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả, các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Công ty và các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc (nếu có);
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản...

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Tiền mặt	129.619.587	165.724.687
Tiền gửi ngân hàng	17.095.044.617	32.558.621.970
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	10.000.000.000
Cộng	<u>27.224.664.204</u>	<u>42.724.346.657</u>

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	89.487.997.310	92.951.373.514
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	82.421.439.345	84.878.775.165
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.066.557.965	8.072.598.349
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	<u>89.487.997.310</u>	<u>92.951.373.514</u>

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam là bên liên quan của Công ty - Công ty mẹ chiếm trên 51% vốn điều lệ.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn	1.714.215.181	857.155.690
- Tạm ứng	71.392.641	69.319.209
- Ký cược, ký quỹ	1.121.000.000	509.336.600
- Phải thu khác	521.822.540	278.499.881
Dài hạn	-	-
Cộng	<u>1.714.215.181</u>	<u>857.155.690</u>

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2015</u>		<u>01/01/2015</u>
	Giá gốc (VND)	Dự phòng	Giá gốc (VND)
Hàng đang đi trên đường	90.129.265	-	163.927.200
Nguyên liệu, vật liệu	719.324.005	-	735.047.163
Công cụ, dụng cụ	183.600	-	183.600
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	170.792.868	-	127.357.507
Hàng hoá (*)	13.182.349.775	(228.353.750)	13.245.507.815
Hàng gửi bán	3.545.227.217	-	-
Cộng	<u>17.708.006.730</u>	<u>(228.353.750)</u>	<u>14.272.023.285</u>

(*) Số dư dự phòng giảm giá hàng hóa là số trích lập cho giá trị thạch cao tạp chất tồn kho tại ngày 31/12/2015. Ban giám đốc Công ty quyết định trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho tương ứng với giá trị có thể không thu hồi được do giá trị của tạp chất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Dự án trạm nghiền xi măng Quảng Trị	20.485.704.772	20.539.051.027
Cộng	<u><u>20.485.704.772</u></u>	<u><u>20.539.051.027</u></u>

Dự án trạm nghiền xi măng Quảng Trị với tổng giá trị đầu tư được phê duyệt 211,312 tỷ đồng đã được chuyển nhượng cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn theo hợp đồng chuyển nhượng số 92A/BCC-TXM ngày 17/05/2011. Công ty đã thực hiện bàn giao dự án nêu trên cho Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn từ ngày 16/06/2011. Theo biên bản làm việc ngày 22/02/2012 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn thống nhất giá trị thanh toán đợt 1 là 156.042.246.508 đồng (bao gồm thuế GTGT 10%) căn cứ theo tổng giá trị mà Công ty đã giải ngân cho dự án có đầy đủ chứng từ tại ngày 22/02/2012. Giá trị bàn giao đợt 2 là 12.021.402.812 đồng (bao gồm thuế GTGT 10%). Giá trị chuyển nhượng và giá trị quyết toán vốn đầu tư xây dựng của dự án hoàn thành và các khoản công nợ có liên quan sẽ được điều chỉnh sau khi dự án được kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành và được Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn chấp nhận.

10. PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết (*)	567.801.741	4.150.148.814
- Kinh phí công đoàn	32.211.682	37.117.402
- Bảo hiểm xã hội	39.387	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	39.066.202	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.110.066.520	1.758.376.302
Cộng	<u><u>2.749.185.532</u></u>	<u><u>5.945.642.518</u></u>

(*) Số dư tài sản thừa chờ giải quyết tại ngày 31/12/2015 là số dư tạp chất tồn kho tương ứng với số lượng thạch cao tạp chất xác định sau kiểm kê thực tế tại ngày 31/12/2015. Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác một phần giá trị tạp chất trong năm tài chính tương ứng với số thực tế không còn tồn kho tại ngày 31/12/2015 (thuyết minh số 23).

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	19.807.146.794	10.657.982.150	2.818.122.050	479.481.820	33.762.732.814
Mua trong năm	-	-	1.032.320.000	-	1.032.320.000
Tại ngày 31/12/2015	<u>19.807.146.794</u>	<u>10.657.982.150</u>	<u>3.850.442.050</u>	<u>479.481.820</u>	<u>34.795.052.814</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	18.638.379.877	10.657.982.150	2.763.049.024	464.590.516	32.524.001.567
Khấu hao trong năm	265.153.502	-	87.333.024	5.000.000	357.486.526
Tại ngày 31/12/2015	<u>18.903.533.379</u>	<u>10.657.982.150</u>	<u>2.850.382.048</u>	<u>469.590.516</u>	<u>32.881.488.093</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	<u>1.168.766.917</u>	<u>-</u>	<u>55.073.026</u>	<u>14.891.304</u>	<u>1.238.731.247</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>903.613.415</u>	<u>-</u>	<u>1.000.060.002</u>	<u>9.891.304</u>	<u>1.913.564.721</u>

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 29.972.942.871 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 28.444.128.787 đồng).

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	13.314.177.386	13.314.177.386	12.673.954.966	12.673.954.966
Tổng công ty hợp tác kinh tế	3.748.655.000	3.748.655.000	5.015.017.000	5.015.017.000
Phải trả cho các đối tượng khác	18.707.097.492	18.707.097.492	28.681.143.640	28.681.143.640
Cộng	35.769.929.878	35.769.929.878	46.370.115.606	46.370.115.606
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Tổng công ty cơ khí xây dựng	3.441.541.256	3.441.541.256	3.441.541.256	3.441.541.256
Phải trả cho các đối tượng khác	5.766.476.065	5.766.476.065	5.703.470.540	5.703.470.540
Cộng	9.208.017.321	9.208.017.321	9.145.011.796	9.145.011.796

Phải trả người bán bên liên quan

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)	Giá trị (VND)	Số có khả năng trả nợ (VND)
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	13.314.177.386	13.314.177.386	12.673.954.966	12.673.954.966
Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt nam	79.781.088	79.781.088	79.781.088	79.781.088
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1.316.384.698	1.316.384.698	327.303.837	327.303.837
Công ty tư vấn đầu tư phát triển xi măng	68.234.300	68.234.300	68.234.300	68.234.300

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MẪU SỐ B 09 - DN

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	951.380.582	950.502.057	1.482.573.328	419.309.311
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	17.285.786.043	17.285.786.043	-
Thuế Xuất nhập khẩu	-	31.382.708	31.382.708	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	530.496.417	1.004.776.115	1.569.347.119	(34.074.587)
Thuế thu nhập cá nhân	69.690.894	222.981.624	285.215.063	7.457.455
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	1.332.083.409	1.332.083.409	-
Thuế khác	-	8.500.000	8.500.000	-
Cộng	1.551.567.893	20.836.011.956	21.994.887.670	392.692.179
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	-	-	-	(34.074.587)
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	1.551.567.893	-	-	426.766.766

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	LNST chưa phân phối và các quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	70.000.000.000	18.200.000.000	-	1.140.341.972	5.561.159.652	14.874.777.834	109.776.279.458
Lãi trong năm	-	-	-	-	6.401.971.806	-	6.401.971.806
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	278.057.983	(5.561.159.652)	1.870.869.739	(3.412.231.930)
Tại ngày 01/01/2015	70.000.000.000	18.200.000.000	-	1.418.399.955	6.401.971.806	16.745.647.573	112.766.019.334
Lãi trong năm	-	-	-	-	3.322.388.044	-	3.322.388.044
Phân phối lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(6.081.873.217)	2.501.478.855	(3.580.394.362)
Chuyển từ Quỹ đầu tư phát triển sang Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	1.032.320.000	-	-	(1.032.320.000)	-
Tại ngày 31/12/2015	70.000.000.000	18.200.000.000	1.032.320.000	1.418.399.955	3.642.486.633	18.214.806.428	112.508.013.016

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 620/NQ-ĐHĐCĐ ngày 10 tháng 04 năm 2015 thông qua việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau: Chi trả cổ tức 2.100.000.000 đồng, trích quỹ đầu tư phát triển 2.501.478.855 đồng, trích quỹ khen thưởng phúc lợi 1.280.394.362 đồng, trích quỹ thưởng ban điều hành 200.000.000 đồng.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND	Tỷ lệ vốn góp
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	35.845.250.000	35.845.250.000	51,21%
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	7.000.000.000	7.000.000.000	10%
Các cổ đông khác	27.154.750.000	27.154.750.000	38,79%
Cộng	70.000.000.000	70.000.000.000	100%

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.000.000	7.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.000.000	7.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

15. QUỸ KHIEN THƯỞNG PHÚC LỢI

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu năm	1.469.102.283	848.510.353
Trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.480.394.362	1.312.231.930
Tặng khác	10.000.000	-
Chi trả trong năm	(1.478.105.556)	(691.640.000)
Số dư cuối năm	1.481.391.089	1.469.102.283

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

MẪU SỐ B 09 - DN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ các loại	31/12/2015	01/01/2015
Đô la Mỹ (USD)	260,54	10.448,76

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	562.470.249.900	614.783.901.263
Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.385.612.580	11.178.652.045
Cộng	568.855.862.480	625.962.553.308

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	345.782.904.229	384.420.860.397
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	6.385.612.580	11.178.652.045
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	8.271.638.952	3.791.201.400

Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	3.103.378.752	5.425.917.861
Cộng	3.103.378.752	5.425.917.861

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	486.224.082.554	525.183.116.496
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	6.685.107.557	10.560.767.581
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	228.353.750	-
Cộng	493.137.543.861	535.743.884.077

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	723.236.689	1.054.936.664
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	-	8.727.000
Cộng	723.236.689	1.063.663.664

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền vay	6.116.968	34.751.589
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	17.979.000	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	390.210.635	51.995.064
Cộng	414.306.603	86.746.653

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
a) Chi phí bán hàng	56.639.466.247	64.733.456.148
Chi phí lương nhân viên	3.328.798.368	3.468.244.130
Chi phí vật liệu, bao bì	20.274.091	25.515.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	21.310.400
Chi phí vận chuyển, bốc xếp	51.809.353.044	60.540.260.841
Chi phí dịch vụ mua ngoài	177.663.634	33.248.553
Chi phí khác bằng tiền	1.303.377.110	644.877.224
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	19.454.425.669	17.303.938.059
Chi phí lương nhân viên	10.589.928.257	9.578.199.326
Chi phí vật liệu quản lý	356.754.889	426.921.244
Chi phí khấu hao tài sản cố định	289.577.188	332.030.889
Thuế, phí và lệ phí	1.988.598.115	1.237.427.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.353.765.961	1.479.149.957
Chi phí khác bằng tiền	4.875.801.259	4.250.208.832
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	76.093.891.916	82.037.394.207

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.317.459.999	6.098.324.086
Chi phí nhân công	15.922.287.506	15.854.236.408
Chi phí khấu hao tài sản cố định	357.486.526	425.289.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	76.203.847.518	62.479.210.472
Chi phí khác bằng tiền	8.589.506.702	8.137.562.982
Cộng	105.390.588.251	92.994.623.313

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập khác từ kinh doanh xi măng	3.406.404.978	2.696.479.743
Thu nhập từ chuyển nhượng Dự án trạm nghiền Quảng Trị	-	10.928.548.010
Thu nhập từ chênh lệch tạp chất (*)	3.458.079.304	1.329.704.668
Thu nhập từ cho thuê nhà, kho bãi	240.547.637	-
Thu nhập cước vận chuyển, bốc xếp vỏ bao xi măng	1.028.834.840	1.079.897.386
Các khoản thu nhập khác	425.687.201	417.604.493
Cộng	8.559.553.960	16.452.234.300

(*) Thu nhập từ chênh lệch tạp chất năm 2015 được ghi nhận sau khi kết thúc kiểm kê lượng thạch cao tồn kho tại ngày 31/12/2015, trong tổng số lượng thạch cao tồn kho tại ngày 31/12/2015 bao gồm lượng thạch cao chính phẩm và một số lượng thạch cao tạp chất có giá trị tương ứng đang phản ánh trên số dư tài khoản "Các khoản phải trả, phải nộp khác - tài sản thừa chờ xử lý". Giá trị tài sản thừa chờ xử lý các năm trước tương ứng với số lượng tạp chất được xác định nhưng thực tế không còn tồn kho tại ngày 31/12/2015, theo đó Công ty đã ghi nhận vào thu nhập khác trên kết quả kinh doanh của năm 2015.

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị chuyển nhượng Dự án trạm nghiền Quảng Trị	-	10.928.548.010
Chi phí bốc xếp xi măng	831.521.277	872.807.926
Chi phí khác	230.846.561	133.097.255
Cộng	1.062.367.838	11.934.453.191

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.327.164.159	8.250.055.283
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	240.000.000	150.324.156
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>240.000.000</i>	<i>150.324.156</i>
Thu nhập chịu thuế	4.567.164.159	8.400.379.439
Thuế suất	22%	22%
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.004.776.115	1.848.083.477
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.004.776.115	1.848.083.477

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.322.388.044	6.401.971.806
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.322.388.044	6.401.971.806
Trừ: số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	(1.480.394.362)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	7.000.000	7.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	475	703

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014 là số trích thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 10/04/2015 (Thuyết minh số 14). Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi này.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2015	Giá trị ghi sổ 01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.224.664.204	42.724.346.657
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.130.819.850	93.739.209.995
Cộng	118.355.484.054	136.463.556.652
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	37.919.101.987	48.128.491.908
Chi phí phải trả	90.384.959	163.703.621
Cộng	38.009.486.946	48.292.195.529

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 về việc hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán Quốc tế cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Công ty chưa thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	31/12/2015	01/01/2015	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	5.849.123	223.655.708	3.895.004.632	4.189.507.695

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	37.919.101.987	-	-	37.919.101.987
Chi phí phải trả	90.384.959	-	-	90.384.959
Tại 01/01/2015				
Phải trả người bán và phải trả khác	48.128.491.908	-	-	48.128.491.908
Chi phí phải trả	163.703.621	-	-	163.703.621

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.224.664.204	-	-	27.224.664.204
Phải thu khách hàng và phải thu khác	91.130.819.850	-	-	91.130.819.850
Tại 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.724.346.657	-	-	42.724.346.657
Phải thu khách hàng và phải thu khác	93.739.209.995	-	-	93.739.209.995

28. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam; Cổ đông chiếm 10% Vốn điều lệ
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Mua hàng

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	175.105.035.230	179.199.868.867
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	1.633.411.685	3.921.027.191
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	3.275.659.661	5.795.639.476

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Phí tư vấn

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.033.654.713	1.124.571.471

Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc)	963.697.788	935.776.893

Thu nhập khác

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	218.184.000	218.184.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	-	62.652.500
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	4.435.239.818	14.695.172.764
- TN từ chuyển nhượng Dự án trạm nghiền Quảng Trị	-	10.928.548.010
- Thu nhập từ cước bốc xếp xi măng, vỏ bao	1.028.834.840	1.079.897.386
- Thu nhập khác từ kinh doanh xi măng	3.406.404.978	2.686.727.368
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	9.752.375

Cổ tức

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.075.357.000	1.075.357.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	210.000.000	210.000.000

Số dư với bên liên quan

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả khác		
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	643.085.123	367.417.935
- Phải trả phí tư vấn	563.304.035	287.636.847
- Phải trả khác	79.781.088	79.781.088
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bim Sơn	1.262.436.725	1.228.866.725

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Nghị quyết Hội đồng quản trị số 259/NQ-HDQT ngày 18/02/2016 quyết định tạm ứng cổ tức chi trả cho cổ đông bằng tiền năm 2015 với tỷ lệ 4%/cổ phần, thời gian thực hiện 30/06/2016.

Ngoài sự kiện nói trên, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM THẠCH CAO XI MĂNG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09 - DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

30. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Một số chỉ tiêu thay đổi theo Thông tư 200

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2014	01/01/2015	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Tài sản				
Phải thu ngắn hạn khác	136	278.499.881	857.155.690	578.655.809
Tài sản ngắn hạn khác	155	578.655.809	-	(578.655.809)
Cộng		857.155.690	857.155.690	-
Nguồn vốn				
Quỹ đầu tư phát triển	417	14.051.298.334	-	14.051.298.334
Quỹ dự phòng tài chính	418	2.694.349.239	-	2.694.349.239
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	16.745.647.573	(16.745.647.573)
Cộng		16.745.647.573	16.745.647.573	-

Báo cáo kết quả kinh doanh		Năm 2014	Năm 2014	Ảnh hưởng
		VND	trình bày lại VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	627.708.202.444	625.962.553.308	(1.745.649.136)
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	622.282.284.583	620.536.635.447	(1.745.649.136)
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	86.538.400.506	84.792.751.370	(1.745.649.136)
Chi phí bán hàng	25	66.404.232.556	64.733.456.148	(1.670.776.408)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17.378.810.787	17.303.938.059	(74.872.728)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	3.732.274.174	3.732.274.174	-

Huế, ngày 10 tháng 03 năm 2016

Người lập



Trần Xuân Trung

Trưởng phòng KTTKTC



Trần Xuân Trung



Hoàng Việt